

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-319 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-319 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice  
District Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County  
Quận/Hạt

MOTION FOR RETURN OF WEAPONS  
SURRENDERED UNDER  
DOMESTIC VIOLENCE PROTECTIVE ORDER  
AND NOTICE HEARING

KIỆN NGHỊ ĐƯỢC TRẢ LẠI VŨ KHÍ  
ĐÃ GIAO NỘP THEO LỆNH BẢO VỆ  
VÌ BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ  
THÔNG BÁO PHIÊN TÒA

G.S. 50B-3.1(f), (g)  
G.S. 50B-3.1(f), (g)

MOTION BY DEFENDANT FOR RETURN  
KIẾN NGHỊ CỦA BỊ ĐƠN YÊU CẦU ĐƯỢC TRẢ LẠI TÀI SẢN

As required by the Court in the domestic violence protective order in this case, I surrendered the following property to the Sheriff of \_\_\_\_\_ County: (check all that apply)

Theo quy định của Tòa Án ghi vào lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình trong vụ án này, tôi đã giao nộp các tài sản sau đây cho Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt \_\_\_\_\_: (đánh dấu vào các ô thích hợp)

- firearm(s).  
súng.
- ammunition.  
đạn được.
- permit(s) to purchase firearms.  
giấy cho phép mua súng.
- permit(s) to carry a concealed weapon.  
giấy cho phép mang súng giấu trong người.

The domestic violence protective order that required the surrender of the property listed above expired on the date listed below and has not been renewed. There  is  is not a pending motion to renew. As indicated in the Applicant Information section on Pages 2 and 3, I am not precluded by any state or federal law from owning or possessing a firearm and I have no pending criminal charges in state or federal court alleged to have been committed against the person who is protected by the domestic violence protective order. I request the court to order the sheriff to return the items I surrendered.

Lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình mà theo đó tôi phải giao nộp tài sản nêu trên đã hết hạn vào ngày ghi dưới đây và chưa được gia hạn. Có  Không có  kiến nghị gia hạn đang chờ tòa giải quyết. Như được khẳng định trong phần Thông Tin về Người Nộp Đơn ở trang 2 và 3, không có điều luật tiểu bang hay liên bang nào cấm tôi có hay sở hữu súng, và cũng không có vụ án hình sự nào đang chờ giải quyết tại tòa án tiểu bang hay liên bang do tôi bị tố cáo phạm tội đối với người được bảo vệ theo lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình này. Tôi yêu cầu Tòa Án ra lệnh cho cảnh sát trưởng quận/hạt trả lại cho tôi các tài sản tôi đã giao nộp.

Date Protective Order Expired (mm/dd/yyyy)  
Ngày lệnh bảo vệ hết hạn (tháng/ngày/năm)

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Defendant  
Chữ ký của bị đơn

(Continued on Page 2)  
(Tiếp tục ở trang 2)

**MOTION BY THIRD-PARTY OWNER FOR RETURN  
KIẾN NGHỊ CỦA BÊN THỨ BA YÊU CẦU ĐƯỢC TRẢ LẠI TÀI SẢN**

Pursuant to the domestic violence protective order entered in this case, the defendant surrendered to the Sheriff of \_\_\_\_\_ County the firearms, ammunition, and gun permits on the date listed below. I, and not the defendant, am the owner of the surrendered property described below. I request the Court to return this property to me. I am not precluded by any State or federal law from owning or possessing a firearm as indicated in the Applicant Information section on Pages 2 and 3. This motion is filed not later than 30 days after the surrender of the items.

*(Describe firearms, ammunition, gun permits that belong to person filing motion)*

Chiếu theo lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình được ban hành trong vụ án này, bị đơn đã giao nộp cho Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt \_\_\_\_\_ các khẩu súng, đạn dược và giấy cho phép mang súng vào ngày ghi dưới đây. Tôi không phải là bị đơn mà là chủ sở hữu của các tài sản được miêu tả dưới đây do bị đơn giao nộp. Tôi yêu cầu Tòa Án trả lại các tài sản này cho tôi. Không có điều luật tiểu bang hay liên bang nào cấm tôi có hay sở hữu súng như được khẳng định trong phần Thông tin về Người nộp đơn ở Trang 2 và 3. Kiến nghị này được đệ trình không trễ hơn 30 ngày sau khi các tài sản được giao nộp.

*(Miêu tả các khẩu súng, đạn dược và giấy cho phép mang súng của người nộp kiến nghị)*

Name And Address Of Third-Party Owner (Type Or Print) Tên và địa chỉ của bên thứ ba sở hữu tài sản (đánh máy hay viết chữ in)	Date Weapons Surrendered (mm/dd/yyyy) Ngày giao nộp vũ khí (tháng/ngày/năm)
	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)
	Signature Of Third-Party Owner Chữ ký của bên thứ ba sở hữu tài sản

**APPLICANT INFORMATION  
THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP ĐƠN**

**WARNING:** This section must be filled out completely and truthfully. False statements may result in criminal prosecution.

**CẢNH BÁO:** Thông tin điền vào phần này phải đầy đủ và trung thực. Nếu quý vị khai sai sự thật thì có thể bị truy tố tội hình sự.

Name (Last, First, Middle) Tên (họ, tên, chữ lót)		Maiden Name, Nickname, Alias Tên trước khi lấy chồng, tên thường gọi, tên khác			
Current Residence Chỗ ở hiện nay	Street Số nhà, tên đường	Apartment No. Số căn hộ	Previous Residence Chỗ ở trước đây	Street Số nhà, tên đường	Apartment No. Số căn hộ
	City, State, Zip Code Thành phố, Tiểu bang, Mã zip			City, State, Zip Code Thành phố, Tiểu bang, Mã zip	
Other States Of Residence Các tiểu bang khác đã từng thường trú					
Are You A U.S. Citizen? Quý vị đã nhập quốc tịch Mỹ chưa?			If No, List Country Of Citizenship Nếu chưa, cho biết có quốc tịch ở nước nào		
<input type="checkbox"/> Yes Rồi			<input type="checkbox"/> No Chưa		
Home Telephone Số điện thoại nhà			Work Telephone Số điện thoại sở làm		
Social Security Number Số an sinh xã hội			Drivers License/ID No. Số bằng lái/Số căn cước		State Tiểu bang
Employer Chủ thuê lao động			Occupation Nghề nghiệp		
Employer Address (Street, City, State, Zip Code) Địa chỉ sở làm (Số nhà, tên đường, Thành phố, Tiểu bang, Mã Zip)					
Race Chủng tộc	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)		Place Of Birth Nơi sinh	
Height Chiều cao	Weight Trọng lượng	Hair Color Màu tóc		Eye Color Màu mắt	
Distinguishing Scars, Piercings, Tattoos, Etc. (describe): Vết sẹo, lỗ xỏ khuyên, hình xăm, v.v. dùng để nhận diện (miêu tả):					

1. Do you have any criminal charges in State or federal court, including traffic offenses, pending against you?  Yes  No  
 1. Quý vị có bị truy tố bất kỳ tội hình sự nào đang chờ giải quyết tại tòa án tiểu bang hay liên bang, bao gồm cả các vi phạm giao thông không?  Có  Không  
 What type of charge and where is it pending? \_\_\_\_\_  
 Đó là loại tội nào và đang được giải quyết tại tòa án nào? \_\_\_\_\_  
 Name alleged victim and relationship to you \_\_\_\_\_  
 Cho biết tên của người được cho là nạn nhân và quan hệ của người đó với quý vị \_\_\_\_\_
2. Have you ever been convicted of a misdemeanor crime of violence (including domestic violence) in either a state or federal court?  Yes  No  
 2. Quý vị có bao giờ bị kết án tội tiểu hình liên quan đến bạo lực (bao gồm cả bạo lực gia đình) tại một tòa án tiểu bang hay liên bang không?  Có  Không  
 What was the crime? \_\_\_\_\_  
 Tội đó là gì? \_\_\_\_\_  
 When and where were you convicted? \_\_\_\_\_  
 Quý vị bị kết án vào khi nào và ở đâu? \_\_\_\_\_  
 Who was the victim of the crime? \_\_\_\_\_  
 Ai là nạn nhân trong vụ án đó? \_\_\_\_\_
3. Have you ever been convicted of a felony in either a State or federal court?  Yes  No  
 3. Quý vị có bao giờ bị kết án tội đại hình tại một tòa án tiểu bang hay liên bang không?  Có  Không  
 What was the crime? \_\_\_\_\_  
 Tội đó là gì? \_\_\_\_\_  
 When and where were you convicted? \_\_\_\_\_  
 Quý vị bị kết án vào khi nào và ở đâu? \_\_\_\_\_
4. Have you ever been convicted of driving while impaired in either a State or federal court?  Yes  No  
 4. Quý vị có bao giờ bị kết án tội lái xe trong tình trạng không tỉnh táo tại một tòa án tiểu bang hay liên bang không?  Có  Không  
 When and where were you convicted? \_\_\_\_\_  
 Quý vị bị kết án vào khi nào và ở đâu? \_\_\_\_\_
5. Are there any outstanding warrants for your arrest?  Yes  No  
 5. Có bất kỳ trát bắt giữ nào ghi tên quý vị và còn hiệu lực không?  Có  Không  
 Where and for what reason? \_\_\_\_\_  
 Trát đó được ban hành ở đâu và vì lý do gì? \_\_\_\_\_
6. Are you under indictment for a crime at this time?  Yes  No  
 6. Quý vị có đang bị truy tố bất kỳ tội nào vào lúc này không?  Có  Không  
 Where and for what reason? \_\_\_\_\_  
 Bị truy tố ở đâu và vì lý do gì? \_\_\_\_\_
7. Are you currently subject to a domestic violence protective order or any other order that restrains you from harassing, stalking, threatening or engaging in any conduct that would place anyone in reasonable fear of bodily injury?  Yes  No  
 7. Hiện tại có lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình hoặc bất kỳ lệnh nào khác cấm quý vị quấy nhiễu, rình rập, hăm dọa hay có bất kỳ hành vi nào có thể khiến cho người khác phải lo sợ bị thương tích không?  Có  Không  
 What court issued the order? \_\_\_\_\_  
 Tòa án nào ban hành lệnh đó? \_\_\_\_\_
- IMPORTANT: You must attach a copy of the protective/restraining order to this motion.**  
**QUAN TRỌNG: Quý vị phải đính kèm bản sao lệnh bảo vệ/lệnh cấm tiếp xúc với kiến nghị này.**
8. Are you currently on probation (supervised or unsupervised) in North Carolina, for any level of offense?  Yes  No  
 8. Hiện tại quý vị có bị quản chế theo lệnh tòa (có giám sát hay không giám sát) ở North Carolina vì bất kỳ vi phạm nào ở bất kỳ cấp độ nào hay không?  Có  Không
9. Were you ever a member of the military?  Yes  No  
 9. Quý vị có bao giờ tham gia quân đội không?  Có  Không  
 If yes, what kind of discharge did you receive? \_\_\_\_\_  
 Nếu có, quý vị được xuất ngũ theo diện gì? \_\_\_\_\_
10. Are you currently using or are you addicted to any controlled substance, including marijuana, cocaine, methamphetamine or heroin?  Yes  No  
 10. Hiện tại quý vị có sử dụng hay bị nghiện bất kỳ chất quốc cấm nào, bao gồm cần sa, cocaine, methamphetamine hoặc heroin không?  Có  Không
11. Are you illegally or unlawfully in the United States?  Yes  No  
 11. Có phải quý vị hiện có mặt trái phép hay trái pháp luật tại nước Mỹ không?  Có  Không
12. Are you admitted to the United States under a nonimmigrant visa?  Yes  No  
 12. Có phải quý vị nhập cảnh vào nước Mỹ theo thị thực không nhập cư không?  Có  Không  
 What are the circumstances of your nonimmigrant visa? \_\_\_\_\_  
 Lý do cho việc xin thị thực không nhập cư của quý vị là gì? \_\_\_\_\_

13. Have you ever renounced your United States citizenship?  Yes  No  
 13. Quý vị có bao giờ từ bỏ quốc tịch Mỹ không?  Có  Không
14. Have you ever been a patient in any mental institution or hospital?  Yes  No  
 14. Quý vị có bao giờ nằm bệnh viện hay cơ sở trị bệnh tâm thần không?  Có  Không  
 When and where? \_\_\_\_\_  
 Ở đâu và khi nào? \_\_\_\_\_
15. Have you ever been adjudicated incompetent by a court?  Yes  No  
 15. Quý vị có bao giờ bị một tòa án phán quyết là không có đủ năng lực pháp lý không?  Có  Không  
 When and where? \_\_\_\_\_  
 Ở đâu và khi nào? \_\_\_\_\_

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Name Of Applicant (type or print) Tên của người nộp đơn (đánh máy hay viết chữ in)	Signature Of Applicant Chữ ký của người nộp đơn
--	---	--

**NOTICE OF HEARING  
THÔNG BÁO PHIÊN TÒA**

Pursuant to a motion made by  the defendant  a third-party a hearing will be held before a district court judge at the date, time and location indicated below to determine whether  
 Chiếu theo kiến nghị của  bị đơn  một bên thứ ba một phiên tòa sẽ được tiến hành trước một thẩm phán tòa án khu vực tại ngày, giờ và địa điểm ghi dưới đây để quyết định xem

to return the weapons surrendered to the defendant.  
 có nên trả lại các vũ khí mà bị đơn đã giao nộp hay không.

the third-party claiming the weapons surrendered is the owner of the items listed in the motion and is entitled to have the items returned to him/her.  
 bên thứ ba đòi lại các vũ khí được giao nộp có phải là chủ sở hữu của những đồ vật ghi trong kiến nghị không, và có quyền được trả lại những đồ đó hay không.

The plaintiff has a right to appear and be heard at this hearing.  
 Nguyên đơn có quyền có mặt và tham dự phiên tòa này.

Date Of Hearing (mm/dd/yyyy) Ngày phiên tòa (tháng/ngày/năm)	Time Of Hearing Giờ phiên tòa <input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều	Location Of Hearing Địa điểm phiên tòa
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự	
<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm		

**NOTE TO CLERK:** You must give a copy of this notice of hearing to the defendant or third-party when the motion is filed and you must mail a copy by first class mail to the plaintiff and give a copy to the sheriff. If the motion is filed by a third person, you must also mail notice of the hearing to the defendant.

**LỤC SỰ XIN LƯU Ý:** Quý vị phải giao bản sao của thông báo phiên tòa này cho bị đơn hoặc người bên thứ ba khi họ nộp kiến nghị, phải gửi một bản sao cho nguyên đơn qua dịch vụ bưu điện hạng nhất và đưa một bản sao cho cảnh sát trưởng quận/hạt. Nếu kiến nghị này được nộp bởi một người bên thứ ba, quý vị cũng phải gửi thông báo phiên tòa đến bị đơn.

(See Page 5 for a non-exhaustive list of Federal firearms restrictions)  
 (Lật sang trang 5 để xem danh sách chưa đầy đủ về các giới hạn của liên bang về súng)

**CLERK'S CERTIFICATION  
XÁC NHẬN CỦA LỤC SỰ**

I certify that on the date of mailing shown below a copy of this Motion And Notice Of Hearing was served on the plaintiff at the address listed below by depositing a copy in a postpaid properly addressed envelope in a post office or official depository under the exclusive care and custody of the United States Postal Service.

Tôi xác nhận rằng vào ngày gửi thư ghi dưới đây, một bản sao Kiến Nghị và Thông Báo Phiên Tòa này đã được tổng đạt cho nguyên đơn tại địa chỉ ghi sau đây bằng cách bỏ bản thông báo vào một bì thư được trả đủ cước phí, ghi địa chỉ chính xác và gửi tại một bưu điện hay hộp thư chính thức do Dịch Vụ Bưu Chính Hoa Kỳ có độc quyền quản lý và bảo trì.

On the same date a copy was served on the defendant at the address listed on this motion by the same method.  
Vào cùng ngày đó, một bản sao được tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ ghi trong kiến nghị này và bằng cùng phương cách nêu trên.

Address Of Plaintiff (Type Or Print) Địa chỉ của nguyên đơn (đánh máy hay viết chữ in)	Date Of Mailing (mm/dd/yyyy) Ngày gửi thư (tháng/ngày/năm)	Date Of Certification (mm/dd/yyyy) Ngày xác nhận (tháng/ngày/năm)
Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự		
<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm		

**NON-EXHAUSTIVE LIST OF FEDERAL FIREARMS RESTRICTIONS  
DANH SÁCH CHƯA ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC GIỚI HẠN CỦA LIÊN BANG VỀ SÚNG**

**18 U.S.C. § 922(g) and (n) provide:**  
**18 U.S.C. § 922(g) và (n) quy định:**

- (g)** It shall be unlawful for any person --  
**(g)** Luật pháp nghiêm cấm bất kỳ ai --
- (1)** who has been convicted in any court of, a crime punishable by imprisonment for a term exceeding one year;  
**(1)** đã bị kết án tại bất kỳ tòa án nào về bất kỳ tội nào có mức phạt trên một năm tù;
  - (2)** who is a fugitive from justice;  
**(2)** đang trốn tránh luật pháp;
  - (3)** who is an unlawful user of or addicted to any controlled substance (as defined in section 102 of the Controlled Substances Act (21 U.S.C. 802));  
**(3)** sử dụng một cách bất hợp pháp hay bị nghiện bất kỳ chất quốc cấm nào (theo định nghĩa trong phần 102 của Luật về Chất Quốc Cấm (21 U.S.C. 802));
  - (4)** who has been adjudicated as a mental defective or who has been committed to a mental institution;  
**(4)** đã bị phân xử là có khiếm khuyết về trí não hay bị buộc nhập viện tâm thần;
  - (5)** who, being an alien—  
**(5)** là người nước ngoài và—
    - (A)** is illegally or unlawfully in the United States; or  
**(A)** đang sống trái phép hay trái pháp luật tại nước Mỹ; hoặc
    - (B)** except as provided in subsection (y)(2), has been admitted to the United States under a nonimmigrant visa (as that term is defined in section 101(a)(26) of the Immigration and Nationality Act (8 U.S.C. 1101(a)(26))) [means those aliens not admitted for permanent residence; does not prohibit aliens who possess “green card” from possessing guns or ammunition];  
**(B)** trừ phi được miễn trừ theo quy định ở phần phụ (y)(2), đã nhập cảnh nước Mỹ theo thị thực không nhập cư (như được định nghĩa trong phần 101(a)(26) của Luật Nhập Cư và Quốc Tịch (8 U.S.C. 1101(a)(26))) [có nghĩa là người nước ngoài chưa được chấp nhận thường trú; người nước ngoài có “thẻ xanh” không bị cấm có súng đạn];
  - (6)** who has been discharged from the Armed Forces under dishonorable conditions;  
**(6)** đã bị xuất ngũ khỏi Lực Lượng Vũ Trang theo diện “không danh dự”;
  - (7)** who, having been a citizen of the United States, has renounced his citizenship;  
**(7)** đã là công dân Mỹ mà lại từ bỏ quốc tịch Mỹ;
  - (8)** who is subject to a court order that—  
**(8)** là đối tượng của lệnh tòa—

- (A) was issued after a hearing of which such person received actual notice, and at which such person had an opportunity to participate;
- (A) được ban hành sau một phiên tòa mà người đó đã được thông báo chính thức và có cơ hội tham gia;
- (B) restrains such person from harassing, stalking, or threatening an intimate partner of such person or child of such intimate partner or person, or engaging in other conduct that would place an intimate partner in reasonable fear of bodily injury to the partner or child; and
- (B) cấm người đó quấy nhiễu, rình rập hay đe dọa bạn tình của mình hoặc con cái của bạn tình hay của mình, hoặc có bất kỳ hành vi nào khác có thể khiến cho bạn tình có lý do hợp lý để lo sợ rằng bản thân họ hay con cái sẽ bị thương tích; và
- (C) (i) includes a finding that such person represents a credible threat to the physical safety of such intimate partner or child; or
- (C) (i) kết luận rằng người đó là một mối đe dọa thực sự đến sự an toàn thể chất của bạn tình hay một đứa trẻ; hoặc
- (ii) by its terms explicitly prohibits the use, attempted use, or threatened use of physical force against such intimate partner or child that would reasonably be expected to cause bodily injury; or
- (ii) có điều khoản rõ ràng cấm sử dụng, dự tính sử dụng hay đe dọa sử dụng sức lực đối với bạn tình hay một đứa trẻ nếu theo dự đoán hợp lý hành động đó có thể gây thương tích; hoặc

(9) who has been convicted in any court of a misdemeanor crime of domestic violence

(9) đã bị kết án tại bất kỳ tòa án nào về bất kỳ tội tiểu hình nào liên quan đến bạo lực gia đình.

to ship or transport in interstate or foreign commerce, or possess in or affecting commerce, any firearm or ammunition; or to receive any firearm or ammunition which has been shipped or transported in interstate or foreign commerce. gửi, vận chuyển hay có bất kỳ loại súng đạn nào để buôn bán xuyên bang hay quốc tế hoặc để ảnh hưởng đến thương mại; hoặc nhận bất kỳ loại súng đạn nào đã được gửi hay vận chuyển để buôn bán xuyên bang hay quốc tế.

[ . . . ]

- (n) It shall be unlawful for any person who is under indictment for a crime punishable by imprisonment for a term exceeding one year to ship or transport in interstate or foreign commerce any firearm or ammunition or receive any firearm or ammunition which has been shipped or transported in interstate or foreign commerce.
- (n) Luật pháp cấm bất kỳ người nào bị truy tố bất kỳ tội nào có mức phạt trên một năm tù gửi hay vận chuyển bất kỳ loại súng đạn nào để buôn bán xuyên bang hay quốc tế hoặc nhận bất kỳ loại súng đạn nào đã được gửi hay vận chuyển để buôn bán xuyên bang hay quốc tế.

**18 U.S.C. § 922 (k), (o) and 26 U.S.C. § 5861** make it unlawful to possess a machine gun or firearm with altered or obliterated serial number except under certain specified circumstances.

Các điều **18 U.S.C. § 922(k) và (o)** và **26 U.S.C. § 5861** nghiêm cấm việc sở hữu súng liên thanh hay súng bị đổi hay xóa số sêri, trừ một số trường hợp có quy định riêng.